

Phụ lục 01/QCTV: Mẫu bản thông tin cá nhân

(Kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành theo Quyết định số/QĐ-HĐTV ngàytháng..... năm 202... của Chủ tịch Hội đồng thành viên Sở GDCK Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN

(Áp dụng cho người nội bộ, nhân viên công nghệ thông tin)

Ảnh 4x6 (dán ảnh và đóng dấu giáp lai)

1. Họ và tên: Nam/nữ

2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. Nơi sinh:

4. Quốc tịch: (Các quốc tịch hiện có)

5. Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân/căn cước/hộ chiếu:..... ngày cấp.....nơi cấp..... có giá trị đến ngày..... (đối với hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác)

6. Địa chỉ liên lạc:

7. Email: Điện thoại:

8. Trình độ chuyên môn:

9. Nghề nghiệp:

10. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán

TT	Loại chứng chỉ	Số chứng chỉ	Ngày cấp	Nơi cấp
1				
...				

Ghi chú: Loại chứng chỉ: Môi giới chứng khoán; phân tích tài chính; quản lý quỹ.

11. Quá trình đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Bằng cấp

12. Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc

13. Kê khai người có liên quan (kê khai toàn bộ người có liên quan theo quy định tại Luật Chứng khoán)

Họ và tên/Tên tổ chức có liên quan	Mối quan hệ với người khai	Số GCNĐKKD/CMTND/ CCCD/ hộ chiếu	Nơi làm việc/học tập/ khác	Vị trí công việc
1				
...				

Tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung nêu trên.

Tôi đồng ý để Công ty chứng khoán....cung cấp Bản thông tin cá nhân này và các tài liệu liên quan (nếu có) cho Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con để thực hiện đăng ký thành viên và đăng ký kết nối giao dịch.

..., ngày... tháng... năm ...

Chứng thực chữ ký của người khai hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 02/QCTV: Thuyết minh cơ sở vật chất, nhân sự
(Kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành theo Quyết định số/ QĐ-HĐTV ngàytháng..... năm 202... của Chủ tịch Hội đồng thành viên Sở GDCK Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày... tháng ... năm ...

THUYẾT MINH CƠ SỞ VẬT CHẤT, NHÂN SỰ

PHẦN I. ĐỐI VỚI CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên công ty:

1.1. Địa chỉ trụ sở chính:

1.2 Mạng lưới hoạt động (nếu có):

STT	Tên chi nhánh/PGD	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
1				
...				

2. Phương tiện công bố thông tin

2.1. Trang thông tin điện tử của tổ chức đăng ký thành viên

a) Địa chỉ trang thông tin điện tử:;

b) Đường link đăng tải thông tin công bố về Phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, phí giao dịch, thời gian thanh toán, các dịch vụ cung cấp cho Nhà đầu tư; Danh sách người có chứng chỉ hành nghề làm việc tại công ty chứng khoán; Quan hệ cổ đông.

2.2. Bảng dán thông tin công bố:

2.3. Bản tin nội bộ (nếu có):

2.4. Các thiết bị khác:

3. Thiết bị phục vụ tra cứu cho nhà đầu tư

3.1. Màn chiếu hiện thị bảng giá: số lượng, chủng loại, kích thước

3.2. Thiết bị phục vụ tra cứu thông tin giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư: số lượng, chủng loại.

II. NHÂN SỰ (nhân sự tại mục 1, 2, 3 gửi kèm hồ sơ cá nhân)

1. Người nội bộ của công ty

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMTND/CCCD/ hộ chiếu	Chức vụ	Trình độ học vấn
1.						

- Ghi chú: Công ty chứng khoán đang là thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc là thành viên giao dịch công cụ nợ hoặc là thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh, khi đăng ký thành viên giao dịch trên các thị trường còn lại không phải gửi kèm hồ sơ cá nhân nêu tại mục 1, 2, 3 phần II.

....., ngày tháng năm

Người đại diện theo pháp luật

(Chức danh)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẦN II. ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

I. Thông tin chung

1. Tên ngân hàng:

1.1. Địa chỉ trụ sở chính:

1.2 Mạng lưới hoạt động (nếu có):

STT	Tên chi nhánh/phòng giao dịch (kết nối giao dịch đến Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội)	Địa chỉ	Điện thoại	Fax

2. Nhân sự

Danh sách và hồ sơ cá nhân của Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc), Trưởng bộ phận kinh doanh chứng khoán phái sinh, công cụ nợ

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/CCCD/hộ chiếu	Chức vụ	Điện thoại	Email
1.							
2.							

....., ngày tháng năm
Người đại diện theo pháp luật
(Chức danh)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục 03/QCTV: Danh mục quy trình và tài liệu
hướng dẫn nghiệp vụ giao dịch**

*(Kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành theo Quyết định số/
QĐ-HĐTV ngàytháng..... năm 202... của Chủ tịch Hội đồng thành viên
Sở GDCK Việt Nam)*

**DANH MỤC QUY TRÌNH
VÀ TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ GIAO DỊCH**

**I. Đối với tổ chức đăng ký thành viên giao dịch chứng khoán niêm yết,
đăng ký giao dịch**

1. Quy trình đóng mở tài khoản
2. Quy trình tiếp nhận và xử lý lệnh giao dịch của khách hàng:
 - a) Phương thức tiếp nhận lệnh: trực tiếp tại quầy, qua điện thoại, qua internet...;
 - b) Kiểm soát lệnh;
 - c) Truyền lệnh (Quy trình truyền lệnh đối với giao dịch khớp lệnh thông thường, truyền lệnh đối với quảng cáo, thỏa thuận);
 - d) Xác nhận kết quả giao dịch với khách hàng;
 - e) Lưu trữ thông tin giao dịch.
3. Quy trình đối chiếu số dư và quản lý tiền gửi của người đầu tư tại ngân hàng thương mại; Hợp đồng hoặc thỏa thuận ký kết giữa công ty chứng khoán và ngân hàng thương mại về việc quản lý tiền gửi giao dịch của nhà đầu tư.
4. Các mẫu phiếu lệnh.
5. Tài liệu hướng dẫn nhà đầu tư tham gia giao dịch tại Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội.
6. Quy trình tự doanh (nếu được cấp phép nghiệp vụ tự doanh).

**II. Đối với tổ chức đăng ký thành viên công cụ nợ, Kho bạc Nhà nước
đăng ký tham gia giao dịch công cụ nợ**

- 1. Đối với tổ chức đăng ký thành viên giao dịch công cụ nợ**
 - a) Quy trình tiếp nhận và xử lý lệnh giao dịch của khách hàng:
 - Phương thức tiếp nhận lệnh: trực tiếp tại quầy, qua điện thoại, qua internet...;
 - Kiểm soát lệnh;
 - Truyền lệnh;
 - Xác nhận kết quả giao dịch với khách hàng;

- Lưu trữ thông tin giao dịch.

b) Quy trình tự doanh;

c) Quy trình sửa lỗi trong giờ giao dịch;

d) Bản sao hợp đồng ký kết với ngân hàng thương mại về việc quản lý tiền gửi giao dịch của nhà đầu tư;

đ) Quy trình đối chiếu số dư và quản lý tiền gửi của nhà đầu tư tại ngân hàng thương mại;

e) Quy trình đối chiếu số dư chứng khoán và tiền của khách hàng với thành viên lưu ký trong trường hợp nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký tại thành viên lưu ký khác;

g) Mẫu hợp đồng mở tài khoản với khách hàng;

h) Mẫu phiếu lệnh;

i) Mẫu phiếu xác nhận kết quả giao dịch dành cho khách hàng;

k) Tài liệu hướng dẫn nhà đầu tư tham gia giao dịch công cụ nợ tại Sở GDCK Hà Nội.

2. Đối với tổ chức đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt công cụ nợ, KBNN đăng ký tham gia giao dịch công cụ nợ

a) Quy trình tự doanh;

b) Quy trình sửa lỗi trong giờ giao dịch.

III. Đối với tổ chức đăng ký thành viên chứng khoán phái sinh

1. Đối với tổ chức đăng ký thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh

a) Quy trình mở tài khoản kèm theo mẫu hợp đồng mở tài khoản;

b) Quy trình tiếp nhận và xử lý lệnh giao dịch của khách hàng:

- Phương thức tiếp nhận lệnh: trực tiếp tại quầy, qua điện thoại, qua internet...;

- Kiểm soát lệnh;

- Truyền lệnh;

- Xác nhận kết quả giao dịch với khách hàng;

- Lưu trữ thông tin giao dịch.

2. Đối với tổ chức đăng ký thành viên giao dịch đặc biệt chứng khoán phái sinh

Quy trình tự doanh.

**Phụ lục 04/QCTV: Phiếu đăng ký sử dụng
hệ thống công bố thông tin điện tử**

*(Kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành theo Quyết định số/ QĐ-HĐTV ngàytháng..... năm 202... của Chủ tịch Hội đồng thành viên
Sở GDCK Việt Nam)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày... tháng ... năm ...

**PHIẾU ĐĂNG KÝ
SỬ DỤNG HỆ THỐNG CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Chúng tôi, (tên công ty chứng khoán/NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài):

Mã thành viên:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số Fax:

Được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số.....do cấp lần đầu/thay đổi lần thứ ngày.....

Đại diện theo pháp luật : (Ông/Bà).....Chức vụ:.....

Được chấp thuận làm thành viên giao dịch/thành viên giao dịch đặc biệt tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (Sở GDCK Việt Nam) theo Quyết định số/QĐ-SGDVN ngày/....../.....của Tổng Giám đốc Sở GDCK Việt Nam.

Xét thấy công ty/ngân hàng chúng tôi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Sở GDCK Việt Nam trong việc sử dụng Hệ thống công bố thông tin điện tử của Sở GDCK Việt Nam. Nay, chúng tôi đăng ký với Sở GDCK Việt Nam được sử dụng Hệ thống công bố thông tin điện tử để gửi thông tin công bố và báo cáo của thành viên đến Sở GDCK Việt Nam, cụ thể như sau:

1. Thông tin về người đăng ký sử dụng Hệ thống công bố thông tin điện tử để chuyển thông tin công bố và báo cáo cho Sở GDCK Việt Nam và tiếp nhận thông tin phản hồi

(1) Họ và tên:

- Chức vụ:

- Số CMTND/CCCD:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

- Điện thoại:

- E-mail:

2) Họ và tên:

- Chức vụ:

- Số CMTND/CCCD: Ngày cấp: Nơi cấp:

- Điện thoại:

- E-mail:

Địa chỉ thư điện tử liên lạc với Sở GDCK Việt Nam (là địa chỉ để tiếp nhận mật khẩu truy cập hệ thống):

2. Thông tin đăng ký sử dụng phương thức xác thực OTP khi đăng nhập và nhận thông tin xác nhận khi gửi báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (áp dụng đối với tổ chức đăng ký thành viên là công ty chứng khoán)

- Số điện thoại nhận mã xác thực OTP và tin nhắn:(đăng ký từ 01 - 05 số điện thoại);

- Địa chỉ email nhận email xác nhận khi gửi báo cáo, công bố thông tin: (chỉ đăng ký 01 địa chỉ email).

3. Cam kết của thành viên đăng ký sử dụng Hệ thống công bố thông tin điện tử

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin nêu trên.

Khi được chấp thuận sử dụng Hệ thống công bố thông tin điện tử để chuyển thông tin công bố và báo cáo của thành viên đến Sở GDCK Việt Nam, chúng tôi cam kết tuân thủ tuyệt đối hướng dẫn sử dụng Hệ thống và đảm bảo đáp ứng đủ các điều kiện và thủ tục sử dụng Hệ thống công bố thông tin điện tử.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các cam kết nêu trên và vi phạm các quy định của Sở GDCK Việt Nam trong việc sử dụng Hệ thống công bố thông tin điện tử.

....., ngày ... tháng ... năm

**Người đại diện theo pháp luật
(Chức danh)**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục 05/QCTV: Phương án xử lý tài khoản giao dịch của khách hàng
để hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch**

*(Kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành theo Quyết định số/
QĐ-HĐTV ngàytháng..... năm 202... của Chủ tịch Hội đồng thành viên
Sở GDCK Việt Nam)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày... tháng ... năm ...

**PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CỦA KHÁCH HÀNG
ĐỂ HỦY BỎ TƯ CÁCH THÀNH VIÊN GIAO DỊCH**

Chúng tôi, công ty chứng khoán
là thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (Sở GDCK Việt Nam) theo Quyết định số..... ngày/.../...

Chúng tôi xin gửi Phương án xử lý tài khoản giao dịch của khách hàng để tiến hành các thủ tục hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch như sau:

1. Thời điểm và phương thức công bố thông tin, thông báo đến khách hàng về việc hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch trên Sở GDCK Việt Nam.

2. Ngày dự kiến ngừng giao dịch.

3. Ngày dự kiến hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch.

4. Ngày ngừng mở tài khoản giao dịch và ký kết hợp đồng mới với khách hàng liên quan đến chứng khoán giao dịch trên Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội.

5. Thời gian dự kiến xử lý tài khoản giao dịch theo yêu cầu của khách hàng (thời gian kéo dài tối thiểu 30 ngày).

6. Nếu khách hàng chưa làm thủ tục tắt toán tài khoản thì dự kiến ngày/....../..... Công ty sẽ tự động chuyển tài khoản của khách hàng sang Công ty chứng khoán.....

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm và hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến khách hàng theo đúng quy định của pháp luật.

....., ngày tháng năm
Người đại diện theo pháp luật
Chức danh
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 06/QCTV: Các trường hợp thành viên bị nhắc nhở, khiển trách, đình chỉ hoạt động giao dịch do vi phạm nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin, nộp tiền sử dụng dịch vụ

(Kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành theo Quyết định số/QĐ-HĐTV ngàytháng..... năm 202... của Chủ tịch Hội đồng thành viên Sở GDCK Việt Nam)

Hình thức xử lý vi phạm	Nội dung vi phạm	Số lần/Thời gian vi phạm
I. Nhắc nhở		
1. Chế độ báo cáo	Chậm nộp báo cáo định kì, bất thường theo quy định	Từ 03 lần đến 06 lần trong một năm, cụ thể như sau: - Nhắc nhở lần 1: chậm 03 lần trong một năm; - Nhắc nhở lần 2: chậm 06 lần trong một năm.
	Chậm nộp báo cáo theo yêu cầu	
	Nộp báo cáo không đầy đủ nội dung theo quy định; không đúng mẫu biểu quy định, không chính xác số liệu, người ký báo cáo không đúng thẩm quyền	
2. Nghĩa vụ công bố thông tin	Chậm công bố thông tin định kì, bất thường theo quy định	Từ 03 lần đến 06 lần trong một năm, cụ thể như sau: - Nhắc nhở lần 1: chậm 03 lần trong một năm; - Nhắc nhở lần 2: chậm 06 lần trong một năm.
	Chậm công bố thông tin theo yêu cầu	
	Người thực hiện công bố thông tin không đúng thẩm quyền	
	Không bổ sung hồ sơ công bố thông tin đầy đủ theo yêu cầu của Sở GDCK Việt Nam	
3. Nghĩa vụ thanh toán giá dịch vụ	Chậm thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ theo quy định	- Quá 03 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán giá dịch vụ giao dịch hàng tháng; - Quá 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán giá dịch vụ định kỳ hàng năm, dịch vụ đối với thành viên mới; Thành viên kết nối giao dịch trực tuyến, giao dịch từ xa lần đầu.
II. Khiển trách		

Hình thức xử lý vi phạm	Nội dung vi phạm	Số lần/Thời gian vi phạm
1. Chế độ báo cáo	Chậm nộp báo cáo theo quy định	- Khiển trách lần 1: từ 07 lần trở lên trong một năm; - Khiển trách lần 2: tiếp tục vi phạm sau khi bị khiển trách lần một trong một năm.
2. Nghĩa vụ công bố thông tin	Chậm công bố thông tin theo quy định	- Khiển trách lần 1: từ 07 lần trở lên trong một năm; - Khiển trách lần 2: tiếp tục vi phạm sau khi bị khiển trách lần 1 trong một năm; - Chậm công bố thông tin báo cáo tài chính bán niên soát xét, báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6 soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính kiểm toán năm, báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12 kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận quá 45 ngày.
3. Nghĩa vụ thanh toán giá dịch vụ	Chậm thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ theo quy định	- Quá 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán giá dịch vụ giao dịch hàng tháng; - Quá 20 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán giá dịch vụ định kỳ năm hoặc dịch vụ đối với thành viên mới; Thành viên kết nối giao dịch trực tuyến, giao dịch từ xa lần đầu.
III. Đình chỉ hoạt động giao dịch		
1. Chế độ báo cáo	Chậm báo cáo định kỳ, báo cáo bất thường, báo cáo theo yêu cầu	Tiếp tục vi phạm nghĩa vụ báo cáo sau khi bị khiển trách 02 lần trong một năm: đình chỉ hoạt động mua (môi giới và tự doanh) trong 30 ngày trên tất cả các thị trường.
2. Nghĩa vụ công bố thông tin	Chậm công bố thông tin theo quy định	- Tiếp tục vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin sau khi bị khiển trách 02 lần trong một năm: đình chỉ hoạt động mua (môi giới và tự doanh) trong 30 ngày trên tất cả các thị trường. - Chậm công bố thông tin báo cáo tài chính bán niên soát xét, báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính tại

Hình thức xử lý vi phạm	Nội dung vi phạm	Số lần/Thời gian vi phạm
		ngày 30/6 soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tài chính kiểm toán năm, báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12 kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận quá 90 ngày.

Phụ lục 07/QCTV: Các trường hợp thành viên bị khiển trách do vi phạm Quy chế về hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch

đến Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội

(Kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành theo Quyết định số/QĐ-HĐTV ngàytháng..... năm 2025. của Chủ tịch Hội đồng thành viên Sở GDCK Việt Nam)

1. Về hạ tầng hệ thống

STT	Mô tả/mức lỗi kỹ thuật	Dấu hiệu nhận biết	Tần suất mắc lỗi
1	Các kết nối không được phép	Gửi các kết nối không phục vụ hoạt động giao dịch tới Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội	Quá 05 ngày phát sinh lỗi trong 30 ngày gần nhất
2	Cho phép các phân vùng mạng khác kết nối vào phân vùng GDTT ngoài các phân vùng thuộc hệ thống core và quản trị. Cho phép các phân vùng mạng khác ngoài phân vùng mạng giao dịch trực tuyến (GDTT) và vùng mạng quản trị kết nối vào phân vùng mạng giao dịch từ xa (GDTX). Cho phép các phân vùng mạng khác ngoài phân vùng mạng giao Core, phân vùng mạng quản trị kết nối vào phân vùng mạng giao dịch qua Internet, vùng mạng giao dịch khẩn cấp.	Trên bảng luật Firewall có mở cho các phân vùng mạng khác kết nối vào phân vùng mạng GDTT, GDTX, giao dịch qua internet, giao dịch khẩn cấp ngoài mục đích phục vụ hoạt động giao dịch.	
3	Bảng luật Firewall mở không đúng hướng dẫn của các Sở GDCK đối với phân vùng mạng GDTT, GDTX, giao dịch qua kênh đặt lệnh khẩn cấp và Internet.	Trên bảng luật Firewall mở không đúng địa chỉ IP và cổng trao đổi thông tin giữa phân vùng GDTT, phân vùng GDTX tại thành viên, phân vùng giao dịch qua kênh đặt lệnh khẩn cấp, phân vùng mạng giao dịch qua Internet với các phân vùng mạng khác của thành viên.	

2. Về phần mềm

STT	Mô tả/mức lỗi kỹ thuật	Mã lỗi/dấu hiệu nhận biết	Cách tính lỗi	Tần suất mắc lỗi
1	Thành viên gửi thông điệp sai chuẩn quy định trong đặc tả, sai cấu trúc hoặc thành viên sử dụng các thông điệp chưa được hỗ trợ	Session Reject (MsgType = 3), tag 373 với các mã lỗi: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6,	1 message = 1 lỗi	Có từ 10 lỗi trở lên trong 01 phiên giao dịch và bị lặp lại từ 3 ngày giao dịch trở lên trong 30 ngày gần nhất.

STT	Mô tả/mức lỗi kỹ thuật	Mã lỗi/dấu hiệu nhận biết	Cách tính lỗi	Tần suất mắc lỗi
		7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 99. Bussiness Reject (MsgType = j), tag 380 với các mã lỗi: 0, 3, 4, 104		
2	Thành viên gửi nhiều thông điệp resend liên tiếp (vòng lặp trong khi đường truyền ổn định).	Resend request (Msg Type = 2)	1 message = 1 lỗi	Có từ 100 msg resend trở lên/1 phiên giao dịch và lặp lại từ 03 ngày giao dịch trở lên trong 30 ngày gần nhất.

Ghi chú: Đánh giá trên logs file lấy từ máy chủ Channel vào cuối mỗi ngày giao dịch, không đánh giá theo thời gian thực trong phiên giao dịch.

Phụ lục 08/QCTV: Các trường hợp thành viên bị tạm ngừng kết nối giao dịch do vi phạm Quy chế về hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội

(Kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành theo Quyết định số/QĐ-HĐTV ngàytháng..... năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Sở GDCK Việt Nam)

STT	Mô tả/mức lỗi kỹ thuật	Mã lỗi/dấu hiệu nhận biết	Cách tính lỗi	Tần suất mắc lỗi
1	Thành viên gửi thông điệp sai chuẩn quy định trong đặc tả, sai cấu trúc hoặc thành viên sử dụng các thông điệp chưa được hỗ trợ	Session Reject (MsgType = 3), tag 373 với các mã lỗi: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 99. Bussiness Reject (MsgType = j), tag 380 với các mã lỗi: 0, 3, 4, 104	1 message = 1 lỗi	Có từ 10 lỗi trở lên trong 01 phiên giao dịch và bị lặp lại từ 5 ngày trở lên trong 30 ngày gần nhất.
2	Thành viên gửi nhiều thông điệp resend liên tiếp (vòng lặp trong khi đường truyền ổn định).	Resend request (Msg Type = 2)	1 message = 1 lỗi	Có từ 100 msg resend trở lên/1 phiên giao dịch và lặp lại từ 05 ngày trở lên trong 30 ngày gần nhất.

Ghi chú: Đánh giá trên logs file lấy từ máy chủ Channel vào cuối mỗi ngày giao dịch, không đánh giá theo thời gian thực trong phiên giao dịch.

Phụ lục 09/QCTV: Danh mục bảng mã lỗi hệ thống giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại

Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội

(Kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành theo Quyết định số/QĐ-HĐTV ngàytháng..... năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Sở GDCK Việt Nam)

STT	Mã lỗi	Mô tả
1	Thông điệp Session Reject (Msg Type = 3)	
1.1	0	Trường dữ liệu không hợp lệ
1.2	1	Trường dữ liệu bắt buộc bị thiếu
1.3	2	Trường dữ liệu không được định nghĩa cho loại message này
1.4	3	Trường dữ liệu không xác định
1.5	4	Trường dữ liệu không có giá trị
1.6	5	Giá trị không đúng (ngoài phạm vi) cho Trường dữ liệu này
1.7	6	Định dạng dữ liệu không chính xác cho giá trị này
1.8	7	Giải mã có vấn đề
1.9	8	Chữ ký số có vấn đề
1.10	9	CompID có vấn đề
1.11	10	Vấn đề tính chính xác SendingTime
1.12	11	MsgType không đúng
1.13	12	Lỗi XML không hợp lệ
1.14	13	Trường dữ liệu xuất hiện nhiều lần
1.15	14	Trường dữ liệu được chỉ định không đúng thứ tự
1.16	15	Các trường dữ liệu Repeating group không đúng thứ tự
1.17	16	Sai số lượng NumInGroup của Repeating group

1.18	17	Giá trị bao gồm kí tự phân cách (kí tự SOH)
1.19	99	Khác
2	Thông điệp Business Reject (MsgType = j)	
2.1	0	Lỗi khác
2.2	3	Loại message không được hỗ trợ
2.3	4	Một số tag của Header bị thiếu
2.4	104	Thị trường đã đóng cửa

**Phụ lục 10/QCTV: Giấy đề nghị hủy bỏ tư cách thành viên trên
thị trường chứng khoán phái sinh**

(Kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành theo Quyết định số/ QĐ-HĐTV ngàytháng..... năm 202... của Chủ tịch Hội đồng thành viên Sở GDCK Việt Nam)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ HỦY BỎ TƯ CÁCH THÀNH VIÊN GIAO DỊCH CHỨNG
KHOÁN PHÁI SINH/THÀNH VIÊN GIAO DỊCH ĐẶC BIỆT CHỨNG KHOÁN
PHÁI SINH CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

1. Tên thành viên:.....
2. Tên viết tắt:.....
3. Mã thành viên:.....
4. Trụ sở chính:.....
5. Điện thoại:.....
6. Giấy phép thành lập và hoạt động số.....ngày....do cấp
7. Quyết định công nhận thành viên số.... ngày..... do Sở GDCK Việt Nam cấp.

Đề nghị tự nguyện hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh/thành viên giao dịch đặc biệt chứng khoán phái sinh của Sở GDCK Việt Nam kể từ ngày.....

Lý do hủy bỏ tư cách thành viên:.....

Chúng tôi đề nghị ngừng hoạt động giao dịch kể từ ngày..... để hoàn tất thủ tục hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh/thành viên giao dịch đặc biệt chứng khoán phái sinh.

Chúng tôi cam kết hoàn tất các nghĩa vụ, thủ tục theo quy định của pháp luật trước khi được Sở GDCK Việt Nam chấp thuận hủy bỏ tư cách thành viên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trong giấy đề nghị và các tài liệu kèm theo.

Chúng tôi xin gửi kèm theo các giấy tờ liên quan như sau:

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc quyết định của chủ sở hữu về việc hủy bỏ tư cách thành viên hoặc rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán (phái sinh) hoặc giải thể công ty hoặc hợp nhất, sáp nhập.

2. Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua phương án xử lý nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác chưa hoàn thành đối với Sở GDCK Việt Nam và công ty con.

3. Phương án xử lý các tài khoản giao dịch và tài sản ký quỹ của khách hàng (không áp dụng đối với thành viên giao dịch đặc biệt).

4. Hợp đồng chuyển giao tài khoản giao dịch khách hàng, tài sản ký quỹ khách hàng cho thành viên giao dịch khác hoặc giữa các thành viên tham gia hợp nhất, sáp nhập (không áp dụng đối với thành viên giao dịch đặc biệt).

5. Thông báo ngừng và thời điểm ngừng mở tài khoản giao dịch mới và ngừng ký kết hợp đồng mới với khách hàng trên thị trường đề nghị hủy bỏ tư cách thành viên (không áp dụng đối với thành viên giao dịch đặc biệt).

6. Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

Chúng tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm
Người đại diện theo pháp luật
Chức danh

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Phụ lục 11/QCTV: Mẫu Báo cáo tình hình hoạt động tháng, năm
áp dụng đối với thành viên giao dịch**

(Kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành theo Quyết định số/ QĐ-HĐTV ngàytháng..... năm 202... của Chủ tịch Hội đồng thành viên Sở GDCK Việt Nam)

TÊN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....(số công văn)
V/v báo cáo hoạt động tháng....
năm...../năm...

....., ngày.....tháng.....năm

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

I. Thông tin chung về thành viên giao dịch

1. Tình hình nhân sự và cổ đông của công ty chứng khoán

a. Tình hình nhân sự

Đối tượng	Số lượng người làm việc đầu kì báo cáo	Số lượng người làm việc cuối kì báo cáo	Số lượng người có chứng chỉ hành nghề đầu kì báo cáo	Số lượng người có chứng chỉ hành nghề tăng/giảm trong kì báo cáo		Số lượng người có chứng chỉ hành nghề cuối kì báo cáo	Số lượng người có chứng chỉ chuyên môn về thị trường CKPS, CKPS cuối kì báo cáo
				Tăng	Giảm		
A. Trụ sở chính 1. Ban Giám đốc: 2. Bộ phận môi giới: 3. Bộ phận tự doanh 4. Bộ phận bảo lãnh phát hành 5. Bộ phận tư vấn đầu tư							
B. Chi nhánh 1. Chi nhánh....(tên chi nhánh): - Giám đốc chi nhánh - Bộ phận môi giới - Bộ phận tư vấn 2. Chi nhánh....(tên chi nhánh) - Giám đốc chi nhánh - Bộ phận môi giới - Bộ phận tư vấn							

Đối tượng	Số lượng người làm việc đầu kì báo cáo	Số lượng người làm việc cuối kì báo cáo	Số lượng người có chứng chỉ hành nghề đầu kì báo cáo	Số lượng người có chứng chỉ hành nghề tăng/giảm trong kì báo cáo		Số lượng người có chứng chỉ hành nghề cuối kì báo cáo	Số lượng người có chứng chỉ chuyên môn về thị trường CKPS, CKPS cuối kì báo cáo
				Tăng	Giảm		
C. Phòng giao dịch 1. Phòng giao dịch...(tên phòng giao dịch) 2. Phòng giao dịch...(tên phòng giao dịch)							
Bộ phận khác							
Tổng số							

*b. Tình hình cổ đông/thành viên góp vốn nắm giữ từ 5% vốn điều lệ của công ty chứng khoán**

TT	Thông tin về cổ đông					Thông tin về tỷ lệ nắm giữ			
	Họ và tên (cá nhân)/ Tên công ty (pháp nhân)	Số giấy CMND/CCCD số Giấy ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Quốc tịch	Đầu kì báo cáo		Cuối kì báo cáo	
						Số lượng cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn Điều lệ	Số lượng cổ phần/ phần vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ so với vốn Điều lệ
1.	...								
2.									

* Công ty chứng khoán một thành viên không phải báo cáo mục này

2. Mạng lưới hoạt động

TT	Mạng lưới	Tên gọi	Địa Điểm	Ghi chú
I	Trong nước			
1	Chi nhánh			
2	Phòng giao dịch			
3	Văn phòng đại diện			
II	Ngoài nước			
1	Chi nhánh			
2	Văn phòng đại diện			

3. Tình hình tài chính

a. Nguồn vốn sử dụng ngoài vốn chủ sở hữu

TT	Tên đối tượng cấp vốn	Giá trị vốn (triệu đồng)	Phương thức cấp vốn (phát hành trái phiếu, hợp đồng tín dụng...) (Ghi cụ thể)
I. Tổ chức tín dụng			
1			
2			
II. Tổ chức, cá nhân khác			
1			
2			

b. Kết quả kinh doanh

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo
1	Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh		
2	Tổng chi phí: - Chi phí cho hoạt động kinh doanh - Chi phí quản lý doanh nghiệp		
3	Lợi nhuận trước thuế		

(Đối với báo cáo tháng)

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh		
2	Tổng chi phí: - Chi phí cho hoạt động kinh doanh - Chi phí quản lý doanh nghiệp		
3	Lợi nhuận trước thuế		

(Đối với báo cáo năm)

II. Tình hình hoạt động môi giới

1. Tình hình đóng mở tài khoản giao dịch chứng khoán

a. Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán

Loại khách hàng		Đầu kì báo cáo	Phát sinh trong kì báo cáo		Cuối kì báo cáo	Số lượng tài khoản có phát sinh giao dịch trong kì báo cáo
			Tăng	Giảm		
Trong nước	Cá nhân					
	Tổ chức					
Nước ngoài	Cá nhân					
	Tổ chức					
Tổng						

b. Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán phải sinh

Loại khách hàng		Đầu kì báo cáo	Phát sinh trong kì báo cáo		Cuối kì báo cáo	Số lượng tài khoản có phát sinh giao dịch CKPS trong kì báo cáo
			Tăng	Giảm		
Trong nước	Cá nhân					
	Tổ chức					
Nước ngoài	Cá nhân					
	Tổ chức					
Tổng						

2. Số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư

a) Số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, công cụ nợ

Đơn vị: đồng

Loại khách hàng		Dư đầu kì báo cáo	Phát sinh trong kì báo cáo		Dư cuối kì báo cáo
			Tăng	Giảm	
Trong nước	Cá nhân				
	Tổ chức				
Nước ngoài	Cá nhân				
	Tổ chức				
Tổng					

b. Số dư tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phải sinh

Đơn vị: đồng

Loại khách hàng		Dư đầu kì báo cáo	Phát sinh trong kì báo cáo		Dư cuối kì báo cáo
			Tăng	Giảm	
Trong nước	Cá nhân				
	Tổ chức				
Nước ngoài	Cá nhân				
	Tổ chức				
Tổng					

3. Ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân

Loại khách hàng	Tổng số tài khoản ủy thác đầu kì báo cáo	Phát sinh trong kì báo cáo		Tổng số tài khoản ủy thác cuối kì báo cáo	Giá trị ủy thác (triệu đồng)	Phí ủy thác thu được trong kì báo cáo (đồng)
		Tăng	Giảm			
Trong nước						

Nước ngoài						
Tổng						

4. Tình hình giao dịch ký quỹ chứng khoán

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Kỳ trước	Kỳ này
1	Số lượng tài khoản giao dịch ký quỹ		
2	Hạn mức tín dụng cho giao dịch ký quỹ		
3	Dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ		
4	Giá trị chứng khoán ký quỹ		
5	5 mã chứng khoán có số dư nợ lớn nhất		
6	Nguồn vốn tài trợ giao dịch ký quỹ		
	- Vốn chủ sở hữu		
	- Vốn vay Trong đó: + Vay từ các tổ chức tín dụng + Vay từ các tổ chức khác + Vay từ các cá nhân		
7	Doanh thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ: - Tiền lãi - Phí giao dịch - Các Khoản thu khác		

5. Tình hình giao dịch của nhà đầu tư trên Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội

Đơn vị tính GT: triệu đồng, KL: chứng khoán

[illegible]

TT	Loại chứng khoán	Tổng mua từ đầu năm đến đầu kỳ báo cáo		Tổng bán từ đầu năm đến đầu kỳ báo cáo		Mua trong kỳ báo cáo		Bán trong kỳ báo cáo		Tổng mua từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo		Tổng bán từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
		KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT
	Giao dịch của nhà đầu tư trong nước												
	Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài												
IV	Chứng quyền												
	Giao dịch của nhà đầu tư trong nước												
	Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài												
V	Công cụ nợ												
	Giao dịch của nhà đầu tư trong nước												
	Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài												
VI	CKPS												
	Giao dịch của nhà đầu tư trong nước												
	Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài												
VII	Chứng khoán khác												
	Giao dịch của nhà đầu tư trong nước												
	Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài												
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V+VI+VII)												

Ghi chú: đối với giao dịch repo, giao dịch mua bán lại công cụ nợ, khối lượng và giá trị giao dịch là khối lượng và giá trị giao dịch lần 1.

6. Tổng phí môi giới thu được

Đơn vị tính: đồng

TT	Phí môi giới	Giá trị
1	Từ giao dịch chứng khoán tại Sở GDCK TPHCM	
a	Chứng khoán niêm yết	
b	Chứng khoán đăng ký giao dịch	
2	Từ giao dịch chứng khoán tại Sở GDCK Hà Nội	
a	Chứng khoán niêm yết	

b	Chứng khoán đăng ký giao dịch	
c	Công cụ nợ	
d	Chứng khoán phái sinh	
3	Từ giao dịch chứng khoán khác	
	Cộng (1+2+3)	

III. Hoạt động tự doanh, đầu tư

1. Tình hình giao dịch tự doanh

Đơn vị tính GT: triệu đồng, KL: chứng khoán

[illegible]

STT	Loại CK	Tổng mua từ đầu năm đến đầu kỳ báo cáo		Tổng bán từ đầu năm đến đầu kỳ báo cáo		Mua trong kỳ báo cáo		Bán trong kỳ báo cáo		Tổng mua từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo		Tổng bán từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
		KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT
2	Trái phiếu doanh nghiệp												
3	CCQ												
4	Chứng quyền												
5	Công cụ nợ												
6	Chứng khoán khác												
	Tổng												

2. Tình hình nắm giữ chứng khoán (tại thời điểm báo cáo)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Loại chứng khoán	Chứng khoán nắm giữ				Tổng số chứng khoán đang lưu hành của tổ chức phát hành	Tỷ lệ đầu tư (%)
		Số lượng	Tổng giá trị mua vào	Giá trị thị trường	Tỷ lệ tăng trưởng tài sản đầu tư (%)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4) *100	(7)	(8)=(3)/(7) *100
A	Chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch						
I	Cổ phiếu						
1	A						
2	...						
II	Trái phiếu doanh nghiệp						
1	A						
2	...						
III	Chứng chỉ quỹ						
1	A						
2	...						
IV	Chứng quyền						
1	A						
2	...						
V	Công cụ nợ						

TT	Loại chứng khoán	Chứng khoán nắm giữ				Tổng số chứng khoán đang lưu hành của tổ chức phát hành	Tỷ lệ đầu tư (%)
		Số lượng	Tổng giá trị mua vào	Giá trị thị trường	Tỷ lệ tăng trưởng tài sản đầu tư (%)		
1	A						
2							
VI	<i>Chứng khoán phái sinh</i>						
1	A						
2							
VII	<i>Chứng khoán khác</i>						
1	A						
2							
B	Chứng khoán chưa niêm yết						
I	<i>Cổ phiếu</i>						
1	A						
2	...						
II	<i>Trái phiếu doanh nghiệp</i>						
1	A						
2	...						
III	<i>Chứng chỉ quỹ</i>						
1	A						
2	...						
IV	<i>Chứng quyền</i>						
1	Chứng quyền do thành viên phát hành						
2	Chứng quyền khác						
V	<i>Công cụ nợ</i>						
1	A						
2							
VI	<i>Chứng khoán phái sinh</i>						
1	A						
2							
VII	<i>Chứng khoán khác</i>						
1	A						

TT	Loại chứng khoán	Chứng khoán nắm giữ				Tổng số chứng khoán đang lưu hành của tổ chức phát hành	Tỷ lệ đầu tư (%)
		Số lượng	Tổng giá trị mua vào	Giá trị thị trường	Tỷ lệ tăng trưởng tài sản đầu tư (%)		
2							
	Tổng cộng:						

* Ghi chú:

Cột (2) loại chứng khoán được ghi cụ thể theo mã chứng khoán.

Cột (3) là các chứng khoán hiện CTCK đang nắm giữ, không bao gồm chứng khoán đang về tài khoản.

Cột (4) tính theo giá mua vào/giá góp vốn theo hợp đồng;

Cột (5) tính theo giá đóng cửa hoặc giá giao dịch bình quân tại thời điểm báo cáo hoặc giá trị hợp lý đối với chứng khoán chưa niêm yết, đăng ký giao dịch.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp, công cụ nợ: không phải tính cột (7), (8).

Phải loại trừ chứng khoán nắm giữ thuộc các giao dịch kỳ hạn chứng khoán khỏi Mục này.

Đối với chứng quyền do công ty phát hành; không phải điền số liệu vào các cột Tổng giá trị mua vào, Giá trị thị trường và Tỷ lệ tăng trưởng tài sản đầu tư

IV. Giao dịch tự doanh vay và cho vay công cụ nợ (áp dụng đối với thành viên giao dịch công cụ nợ)

Ghi chú:

- Thời hạn: Liệt kê theo các thời hạn đã giao dịch

- KL và GT: là khối lượng và giá trị thanh toán của giao dịch lần 1

Thị trường	Loại công cụ nợ	Thời hạn (ngày)	Cho vay trong kì báo cáo		Đi vay trong kì báo cáo	
			KL	GT	KL	GT
Trái phiếu nội tệ niêm yết, trong đó:	CP					
	CQ					
	BL					
	Tổng cộng					
Tín phiếu niêm yết, trong đó:	KBNN					
	NHNN					
	Tổng cộng					
Trái phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	CP					
	CQ					

Thị trường	Loại công cụ nợ	Thời hạn (ngày)	Cho vay trong kì báo cáo		Đi vay trong kì báo cáo	
			KL	GT	KL	GT
	BL					
	Tổng cộng					
Tín phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	KBNN					
	NHNN					
	Tổng cộng					
Công trái						

Ghi chú:

- CP: Trái phiếu Chính phủ
- CQ: Trái phiếu chính quyền địa phương
- BL: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh
- KBNN: Kho bạc Nhà nước
- NHNN: Ngân hàng Nhà nước
- Đối với giao dịch bằng ngoại tệ, quy đổi sang nội tệ theo tỷ giá giao dịch tại thời điểm giao dịch

V. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị:

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT NỘI BỘ
(Ký, ghi rõ họ tên)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 12/QCTV: BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐÓNG, MỞ TÀI KHOẢN VÀ KHÁCH HÀNG ỦY QUYỀN

(Kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành theo Quyết định số/ QĐ-HĐTV ngàytháng..... năm 202... của Chủ tịch Hội đồng thành viên Sở GDCK Việt Nam)

TÊN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....(số công văn)

....., ngày.....tháng.....năm

V/v báo cáo tình hình đóng, mở tài khoản và khách hàng ủy quyền tháng.... năm.....

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

PHẦN I. TÌNH HÌNH ĐÓNG, MỞ TÀI KHOẢN VÀ KHÁCH HÀNG ỦY QUYỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH, CÔNG CỤ NỢ

I. Tổng hợp

STT	KHÁCH HÀNG	SỐ LƯỢNG TÀI KHOẢN			
		Đầu kỳ	Mở trong tháng	Đóng trong tháng	Cuối kỳ
1	TRONG NƯỚC				
	Cá nhân				
	Tổ chức				
2	NƯỚC NGOÀI				
	Cá nhân				
	Tổ chức				
	TỔNG CỘNG				

Chú ý: (áp dụng cho toàn bộ nội dung báo cáo ở Phụ lục 12/QCTV)

- Nội dung báo cáo bao gồm toàn bộ tài khoản được mở, đóng, ủy quyền và thay đổi thông tin trong tháng tại toàn công ty, gồm cả tài khoản có ủy quyền và không ủy quyền; cá nhân, tổ chức, trong nước và nước ngoài và cả khách hàng đặt lệnh tại công ty chứng khoán nhưng lưu ký tại các Thành viên lưu ký khác;
- Sử dụng bảng mã Unicode;
- Đối với mục II, III, IV, V, VI: Nếu khách hàng là tổ chức, phải ghi rõ tên;
- Các trường về số CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD: định dạng text;
- Các trường về ngày tháng: định dạng dd/mm/yyyy-kiểu text.

II. Danh sách khách hàng mở tài khoản

[illegible]

III. Danh sách khách hàng đóng tài khoản

[illegible]

Trong đó: (Áp dụng cho mục II và III)

Cột “Loại hình”: nếu là cá nhân viết tắt là CN, nếu là tổ chức viết tắt là TC

(Áp dụng cho mục II, III, IV)

Cột “Quốc tịch”: Nếu là Việt Nam viết tắt VN, các quốc tịch khác ghi đầy đủ tên nước.

(Áp dụng cho mục II, III, IV, V)

Cột “Ghi chú” (áp dụng cho mục II,III,IV,V, VI) : Nội dung của ghi chú như sau:

Ghi “1”: Nếu khách hàng là Thành viên Ban Giám Đốc của công ty chứng khoán

Ghi “2”: Nếu khách hàng là Thành viên Hội đồng quản trị của công ty chứng khoán

Ghi “3”: Nếu khách hàng là Thành viên Ban Kiểm Soát của công ty chứng khoán

Ghi “4”: Nếu khách hàng là Kế toán trưởng của công ty chứng khoán

Ghi “5”: Nếu khách hàng là nhân viên của công ty chứng khoán có giấy phép hành nghề

Ghi “6”: Nếu khách hàng là nhân viên của công ty chứng khoán ngoài các đối tượng trên

Trường hợp đáp ứng yêu cầu cả 2 điều kiện thì ghi kết hợp. Ví dụ: nếu khách hàng là Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời có giấy phép hành nghề thì ghi “2,5”

Ghi chú: Cột “Mã tài khoản” (cột 3) không được để trống

IV. Danh sách khách hàng thay đổi thông tin

STT	Tên khách hàng	Mã TK	Ngày thay đổi thông tin	Thay đổi thông tin về CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD						Thay đổi thông tin về địa chỉ		Thay đổi thông tin về Quốc tịch		Thay đổi thông tin về Ghi chú	
				Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD cũ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số CMND/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD mới	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ cũ	Địa chỉ mới	Quốc tịch cũ	Quốc tịch mới	Ghi chú cũ	Ghi chú mới
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)

Trong đó:

- Khách hàng thay đổi thông tin nào (CMND/CCCD hay địa chỉ, quốc tịch) thì ghi vào cột tương ứng và chỉ thực hiện báo cáo khi có phát sinh; điền đầy đủ thông tin CMND/CCCD trước và sau thay đổi;

- Trường hợp khách hàng thay đổi nội dung ghi chú, công ty chứng khoán báo cáo lại theo nội dung ghi chú như mục II và III.

V. Danh sách khách hàng ủy quyền

STT	Tên khách hàng ủy quyền	Mã TK	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Giấy ĐKKD người UQ	Địa chỉ người UQ	Ngày Ủy quyền	Tên người nhận ủy quyền	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu người nhận UQ	Địa chỉ người nhận UQ	Phạm vi ủy quyền	Thời hạn ủy quyền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

VI. Danh sách khách hàng chấm dứt, thay đổi nội dung ủy quyền

STT	Tên khách hàng ủy quyền	Mã TK	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD của khách hàng UQ	Ngày Ủy quyền	Tên người nhận UQ	Ngày chấm dứt Ủy quyền	Ngày thay đổi nội dung ủy quyền	Thay đổi CMND/CCCD/Hộ chiếu người nhận UQ		Thay đổi địa chỉ người nhận UQ		Thay đổi phạm vi ủy quyền		Thay đổi thời hạn ủy quyền	
								Số CMND/CCCD/Hộ chiếu cũ	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu mới	Địa chỉ cũ	Địa chỉ mới	Phạm vi ủy quyền cũ	Phạm vi ủy quyền mới	Thời hạn cũ	Thời hạn mới
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)

Trong đó: (Áp dụng cho cả mục V và VI)

Cột “Phạm vi ủy quyền”:

- + Ghi “1”: nếu ủy quyền đặt lệnh mua/bán/huỷ/sửa đối với chứng khoán
- + Ghi “2”: nếu ủy quyền gửi và rút tiền trên tài khoản tiền
- + Ghi “3”: nếu ủy quyền gửi và rút chứng khoán trên tài khoản chứng khoán
- + Ghi “4”: nếu ủy quyền ứng trước tiền
- + Ghi “5”: nếu ủy quyền cầm cố chứng khoán
- + Ghi “0” nếu ủy quyền Toàn bộ
- + Trường hợp khách hàng kết hợp nhiều mục ủy quyền, ví dụ ủy quyền đặt lệnh mua/bán/sửa/hủy đối với chứng khoán và gửi rút tiền trên tài khoản tiền, công ty chứng khoán ghi rõ “1,2”

Cột “Thời hạn ủy quyền”: Ghi rõ ngày ủy quyền có hiệu lực cuối cùng, định dạng dd/mm/yyyy. Nếu ủy quyền là không có thời hạn, ghi “VH”

(Áp dụng cho mục VI)

Cột (7): Trường hợp khách hàng chỉ chấm dứt ủy quyền thì ghi ngày chấm dứt ủy quyền

Cột (9), (10), (11), (12), (13) (15) (16): Nếu khách hàng thay đổi nội dung về mục nào thì ghi vào mục đó

PHẦN II. TÌNH HÌNH ĐÓNG, MỞ TÀI KHOẢN VÀ KHÁCH HÀNG ỦY QUYỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

Nội dung báo cáo tương tự tại Phần I Phụ lục này

Công ty Chứng khoán....cam kết đã thỏa thuận với khách hàng theo quy định của pháp luật về việc cung cấp dữ liệu cá nhân của khách hàng tại Báo cáo này cho Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổng Giám đốc (Giám đốc)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục 13/QCTV: Mẫu Báo cáo danh mục chứng khoán thực hiện
giao dịch ký quỹ quý**

*(Kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành theo Quyết định số/
QĐ-HĐTV ngàytháng..... năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng thành viên
Sở GDCK Việt Nam)*

TÊN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ
(Quý... năm...)**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty chứng khoán xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ	Tên Công ty

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TPHCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ	Tên Công ty

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty:....

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC
*(Ký, ghi rõ họ tên,
đóng dấu)*

**Phụ lục 14/QCTV: Mẫu Báo cáo tình hình hoạt động tháng
đối với thành viên giao dịch đặc biệt**

(Kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành theo Quyết định số/ QĐ-HĐTV ngàytháng..... năm 202... của Chủ tịch Hội đồng thành viên Sở GDCK Việt Nam)

**(TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG
MẠI/CHI NHÁNH NGÂN
HÀNG THƯƠNG MẠI)**

Số:.....(số công văn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm

V/v báo cáo hoạt động kinh
doanh Công cụ nợ, CKPS
tháng.... năm.....

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

**PHẦN I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG CỤ NỢ (ÁP
DỤNG ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN GIAO DỊCH ĐẶC BIỆT CÔNG CỤ NỢ)**

1. Giao dịch mua bán thông thường

Đơn vị tính: Khối lượng: chứng khoán, Giá trị: triệu đồng

Thị trường	Loại công cụ nợ	Mua trong tháng		Bán trong tháng	
		Khối lượng	Giá trị	Khối lượng	Giá trị
Trái phiếu nội tệ niêm yết, trong đó:	CP				
	CQ				
	BL				
	Tổng cộng				
Tín phiếu niêm yết, trong đó:	KBNN				
	NHNN				
	Tổng cộng				
Trái phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó	CP				
	CQ				
	BL				
	Tổng cộng				
Tín phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	KBNN				
	NHNN				
	Tổng cộng				
Công trái					

2. Giao dịch mua bán lại

Ghi chú:

- Thời hạn: Liệt kê theo các thời hạn đã giao dịch
- KL và GT: là khối lượng và giá trị thanh toán của giao dịch lần 1

Đơn vị tính: KL: chứng khoán, GT: triệu đồng

Thị trường	Loại công cụ nợ	Thời hạn (ngày)	Mua trong tháng		Bán trong tháng	
			KL	GT	KL	GT
	CP					

Thị trường	Loại công cụ nợ	Thời hạn (ngày)	Mua trong tháng		Bán trong tháng	
			KL	GT	KL	GT
Trái phiếu nội tệ niêm yết, trong đó:	CQ					
	BL					
	Tổng cộng					
Tín phiếu niêm yết, trong đó:	KBNN					
	NHNN					
	Tổng cộng					
Trái phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	CP					
	CQ					
	Tổng cộng					
Tín phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	KBNN					
	NHNN					
	Tổng cộng					
Công trái						

3. Giao dịch bán kết hợp mua lại

Ghi chú: KL và GT là khối lượng và giá trị thanh toán của giao dịch lần 1

Đơn vị tính: KL: chứng khoán, GT: triệu đồng

Thị trường	Loại công cụ nợ	Mua trong tháng		Bán trong tháng	
		KL	GT	KL	GT
Trái phiếu nội tệ niêm yết, trong đó:	CP				
	CQ				
	BL				
	Tổng cộng				
Tín phiếu niêm yết, trong đó:	KBNN				
	NHNN				
	Tổng cộng				
Trái phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó	CP				
	CQ				
	BL				
	Tổng cộng				
Tín phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	KBNN				
	NHNN				
	Tổng cộng				
Công trái					

4. Giao dịch vay và cho vay

Ghi chú:

- Thời hạn: Liệt kê theo các thời hạn đã giao dịch
- KL và GT: khối lượng và giá trị thanh toán của giao dịch lần 01

Đơn vị tính: KL: chứng khoán, GT: triệu đồng

Thị trường	Loại công cụ nợ	Thời hạn (ngày)	Cho vay trong tháng		Đi vay trong tháng	
			KL	GT	KL	GT
Trái phiếu nội tệ niêm yết, trong đó:	CP					
	CQ					
	BL					
	Tổng cộng					
Tín phiếu niêm yết, trong đó:	KBNN					
	NHNN					
	Tổng cộng					
Trái phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	CP					
	CQ					
	BL					
	Tổng cộng					
Tín phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	KBNN					
	NHNN					
	Tổng cộng					
Công trái						

5. Tình hình nắm giữ công cụ nợ tại thời điểm báo cáo

Ghi chú:

Báo cáo ghi nhận khối lượng công cụ nợ của thành viên vào cuối kỳ báo cáo bao gồm:

- Công cụ nợ có trên tài khoản;
- Công cụ nợ đã bán trong giao dịch mua bán lại, giao dịch bán kết hợp mua lại;
- Công cụ nợ đã cho vay;

- Không bao gồm Công cụ nợ thành viên mua trong giao dịch mua bán lại, giao dịch bán kết hợp mua lại, công cụ nợ đi vay;

- Không bao gồm công cụ nợ của khách hàng.

Thị trường	Loại công cụ nợ	Kỳ hạn còn lại	Khối lượng
Trái phiếu nội tệ niêm yết, trong đó:	CP		
	CQ		
	BL		
	Tổng cộng		
Tín phiếu niêm yết, trong đó:	KBNN		
	NHNN		

Thị trường	Loại công cụ nợ	Kỳ hạn còn lại	Khối lượng
Trái phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	Tổng cộng		
	CP		
	CQ		
	BL		
	Tổng cộng		
Tín phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	KBNN		
	NHNN		
	Tổng cộng		
Công trái			

Ghi chú:

- CP: Trái phiếu Chính phủ
- CQ: Trái phiếu chính quyền địa phương
- BL: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh
- KBNN: Kho bạc Nhà nước
- NHNN: Ngân hàng Nhà nước
- Đối với giao dịch bằng ngoại tệ, quy đổi sang nội tệ theo tỷ giá giao dịch tại thời điểm giao dịch

PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN GIAO DỊCH ĐẶC BIỆT CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH)

Đơn vị tính: KL: chứng khoán, GT: triệu đồng

TT	Mã HĐTL	Tổng mua từ đầu năm		Tổng bán từ đầu năm		Mua trong tháng		Bán trong tháng		Tổng mua cuối kỳ		Tổng bán cuối kỳ	
		KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT
1													
2													
	...												
	Tổng cộng												

Phần III. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị:

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Tổng) Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục 15/QCTV: Mẫu Báo cáo tình hình hoạt động năm
áp dụng đối với thành viên giao dịch đặc biệt**

(Kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành theo Quyết định số/ QĐ-HĐTV ngàytháng..... năm 202... của Chủ tịch Hội đồng thành viên Sở GDCK Việt Nam)

**(TÊN NGÂN HÀNG/CHI NHÁNH
NGÂN HÀNG HƯƠNG MẠI)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:(số Công văn)
V/v Báo cáo tình hình hoạt động
kinh doanh công cụ nợ năm...

..., ngày...tháng...năm...

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Phần I. Tình hình kinh doanh công cụ nợ (áp dụng đối với thành viên giao dịch đặc biệt công cụ nợ)

1. Giao dịch mua bán thông thường

Đơn vị tính: Khối lượng: chứng khoán, Giá trị: triệu đồng

Thị trường	Loại công cụ nợ	Quý/ Cả năm	MUA		BÁN	
			Khối lượng	Giá trị	Khối lượng	Giá trị
Trái phiếu nội tệ niêm yết, trong đó:	CP	Quý I				
		Quý II				
		Quý III				
		Quý IV				
		Cả năm				
	CQ	Quý I				
		Quý II				
		Quý III				
		Quý IV				
		Cả năm				
	BL	Quý I				
		Quý II				
		Quý III				
		Quý IV				
		Cả năm				
Trái phiếu ngoại tệ niêm yết (USD), trong đó:	CP	Quý I				
		Quý II				
		Quý III				
		Quý IV				
		Cả năm				
	CQ	Quý I				
		Quý II				
		Quý III				
		Quý IV				
		Cả năm				
	BL	Quý I				
		Quý II				
		Quý III				

Thị trường	Loại công cụ nợ	Quý/ Cả năm	MUA		BÁN	
			Khối lượng	Giá trị	Khối lượng	Giá trị
			Quý IV			
		Cả năm				
Tín phiếu nội tệ niêm yết, trong đó:	KBNN	Quý I				
		Quý II				
		Quý III				
		Quý IV				
		Cả năm				
	NHNN	Quý I				
		Quý II				
		Quý III				
		Quý IV				
		Cả năm				
Tín phiếu ngoại tệ (USD), trong đó:	KBNN	Quý I				
		Quý II				
		Quý III				
		Quý IV				
		Cả năm				
	NHNN	Quý I				
		Quý II				
		Quý III				
		Quý IV				
		Cả năm				
Công trái						

2. Giao dịch mua bán lại

Ghi chú: KL và GT là khối lượng và giá trị thanh toán của giao dịch lần 1

Đơn vị tính: KL: chứng khoán, GT: triệu đồng

Thị trường	Loại công cụ nợ	Mua		Bán	
		KL	GT	KL	GT
Trái phiếu nội tệ niêm yết, trong đó:	CP				
	CQ				
	BL				
	Tổng cộng				
Tín phiếu niêm yết, trong đó:	KBNN				
	NHNN				
	Tổng cộng				
Trái phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	CP				
	CQ				
	BL				
	Tổng cộng				
Tín phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	KBNN				
	NHNN				
	Tổng cộng				
Công trái					

3. Giao dịch bán kết hợp mua lại

Ghi chú: KL và GT là khối lượng và giá trị thanh toán của giao dịch lần 1

Đơn vị tính: KL: chứng khoán, GT: triệu đồng

Thị trường	Loại công cụ nợ	Mua		Bán	
		KL	GT	KL	GT
Trái phiếu nội tệ niêm yết, trong đó:	CP				
	CQ				
	BL				
	Tổng cộng				
Tín phiếu niêm yết, trong đó:	KBNN				
	NHNN				
	Tổng cộng				
Trái phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	CP				
	CQ				
	BL				
	Tổng cộng				
Tín phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	KBNN				
	NHNN				
	Tổng cộng				
Công trái					

4. Giao dịch vay và cho vay

Ghi chú: KL và GT là khối lượng và giá trị thanh toán của giao dịch lần 1

Đơn vị tính: KL: chứng khoán, GT: triệu đồng

Thị trường	Loại công cụ nợ	Cho vay		Đi vay	
		KL	GT	KL	GT
Trái phiếu nội tệ niêm yết, trong đó:	CP				
	CQ				
	BL				
	Tổng cộng				
Tín phiếu niêm yết, trong đó:	KBNN				
	NHNN				
	Tổng cộng				
Trái phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	CP				
	CQ				
	BL				
	Tổng cộng				
Tín phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	KBNN				
	NHNN				
	Tổng cộng				
Công trái					

5. Tình hình nắm giữ công cụ nợ tại thời điểm báo cáo

Ghi chú:

Báo cáo ghi nhận khối lượng công cụ nợ của thành viên vào cuối kỳ báo cáo bao gồm:

- Công cụ nợ có trên tài khoản;
- Công cụ nợ đã bán trong giao dịch mua bán lại, giao dịch bán kết hợp mua lại;
- Công cụ nợ đã cho vay;

- Không bao gồm công cụ nợ thành viên mua trong giao dịch mua bán lại, giao dịch bán kết hợp mua lại, công cụ nợ đi vay;
- Không bao gồm công cụ nợ của khách hàng.

Thị trường	Loại công cụ nợ	Kỳ hạn còn lại	Khối lượng
Trái phiếu nội tệ niêm yết, trong đó:	CP		
	CQ		
	BL		
	Tổng cộng		
Tín phiếu niêm yết, trong đó:	KBNN		
	NHNN		
	Tổng cộng		
Trái phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	CP		
	CQ		
	BL		
	Tổng cộng		
Tín phiếu bằng ngoại tệ (USD), trong đó:	KBNN		
	NHNN		
	Tổng cộng		
Công trái			

Ghi chú:

- CP: Trái phiếu Chính phủ
- CQ: Trái phiếu chính quyền địa phương
- BL: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh
- KBNN: Kho bạc Nhà nước
- NHNN: Ngân hàng Nhà nước
- Đối với giao dịch bằng ngoại tệ, quy đổi sang nội tệ theo tỷ giá giao dịch tại thời điểm giao dịch

Phần II. Tình hình hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh (áp dụng đối với thành viên giao dịch đặc biệt chứng khoán phái sinh)

Đơn vị tính: KL: chứng khoán, GT: triệu đồng

TT	Mã HĐTL	Tổng mua năm N-1		Tổng bán năm N-1		Tổng mua năm N		Tổng bán năm N		Chênh lệch mua so với năm N-1		Chênh lệch bán so với năm N-1	
		KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT	KL	GT
1													
2													
	...												
	Tổng cộng												

Phần III. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị:

**NGƯỜI LẬP BÁO
CÁO**
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 16/QCTV: Mẫu Báo cáo về việc dự kiến bán giải chấp chứng khoán của khách hàng là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch

(Kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành theo Quyết định số/QĐ-HĐTV ngàytháng..... năm 202... của Chủ tịch Hội đồng thành viên Sở GDCK Việt Nam)

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-....

..., ngày... tháng... năm.....

BÁO CÁO DỰ KIẾN BÁN GIẢI CHẤP CHỨNG KHOÁN CỦA KHÁCH HÀNG LÀ NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Kính gửi: Sở GDCK Việt Nam

Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội (nơi chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch)

Công ty báo cáo về việc dự kiến bán giải chấp chứng khoán của khách hàng là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch như sau:

STT	Tên khách hàng	Số tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng	Mối quan hệ đối với tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch/Người nội bộ	Mã chứng khoán bán giải chấp	Thời gian giao dịch dự kiến	Ngày công bố thông tin bán giải chấp	Đường link đăng tải thông tin công bố bán giải chấp chứng khoán trên trang web của công ty	Khối lượng chứng khoán dự kiến bán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

(Ghi chú: Thời gian giao dịch dự kiến (cột 6) phải ghi rõ từ ngày...đến ngày...)

Công ty chứng khoán ... cam kết những thông tin nêu trên là chính xác. Công ty chứng khoán ... xin báo cáo Sở GDCK Việt Nam và Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội.

Nơi nhận:

- SGDCKVN, SGDCKHCM, SGDCKHN;
- Lưu:.....

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 17/QCTV: Mẫu Báo cáo bán giải chấp chứng khoán của khách hàng là người nội bộ, người có liên quan của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch

(Kèm theo Quy chế thành viên của Sở GDCK Việt Nam ban hành theo Quyết định số/QĐ-HĐTV ngàytháng..... năm 202... của Chủ tịch Hội đồng thành viên Sở GDCK Việt Nam)

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-....

..., ngày... tháng... năm.....

BÁO CÁO BÁN GIẢI CHẤP CHỨNG KHOÁN NGÀY .../.../....

Kính gửi: Sở GDCK Việt Nam

Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội (nơi chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch)

Công ty báo cáo về việc bán giải chấp chứng khoán của khách hàng là người nội bộ, người có liên quan của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch ngày .../.../.... như sau:

STT	Tên khách hàng	Số tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng	Mối quan hệ đối với tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch/người nội bộ	Mã chứng khoán bán giải chấp	Ngày công bố thông tin bán giải chấp	Đường link đăng tải thông tin công bố bán giải chấp chứng khoán trên trang web của công ty	Số lượng công bố thông tin dự kiến bán giải chấp	Ngày đặt lệnh bán giải chấp	Số lượng đặt bán giải chấp thực tế	Giá đặt bán	Số lượng khớp

(Ghi chú: báo cáo đối với các trường hợp bán thành công)

Công ty chứng khoán ... cam kết những thông tin nêu trên là chính xác. Công ty chứng khoán ... xin báo cáo Sở GDCK Việt Nam và Sở GDCK TPHCM, Sở GDCK Hà Nội.

Nơi nhận:

- SGDCKVN, SGDCKHCM, SGDCKHN;
- Lưu:.....

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

